

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **467/2020/HS-PT**
Ngày: 09/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương.

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương
Bà Bùi Kim Rết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 436/2020/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Võ Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Võ Thị T**, sinh năm 1979, tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Bình Định; Nơi cư trú: Số 448 đường Hồ Thị H, Khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Khu phố 1, phường Xuân Tr, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông: Võ Văn A (đã chết) và Võ Thị H, sinh năm 1942; có chồng: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và Thái Văn T, sinh năm 1978 (đã ly hôn); Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2019 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị T là chủ cửa hàng tạp hóa T tại khu vực chợ L thuộc Khu phố 1, phường Xuân Tr, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Khoảng giữa năm 2018, T bắt đầu mua thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm: Jet, Hero, 555 và Craven “A” từ

01 người phụ nữ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để bán kiếm lời. Mỗi lần người phụ nữ trên đến cửa hàng của T bán thuốc lá điều nhập lậu thì T mua 150 bao các loại và bán thu lời mỗi tháng 100.000 đồng.

Ngày 14/12/2019, người phụ nữ trên đem 150 bao thuốc lá điều nhập lậu đến bán cho T. Sau khi mua xong, T biết sắp tới gần đến tết Nguyên đán thì người phụ nữ này sẽ không đi bán hàng nữa. Vì vậy, để có số lượng nhiều bán trong dịp tết nên T đã hỏi mua thêm 2.800 bao thuốc lá điều nhập lậu để bán thì người phụ nữ này đồng ý. Đến ngày 15/12/2019, người phụ nữ này mang 2.800 bao thuốc lá điều nhập lậu đến giao cho T. Sau đó, T cất giữ toàn bộ số thuốc này vào trong nhà kho để bán dần. Đến ngày 17/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 99/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh đã áp dụng điểm b, khoản 1, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt: Bị cáo Võ Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngày 28/9/2020, bị cáo Võ Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:

Về nội dung và hình thức đơn kháng cáo: Bị cáo T nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đúng nội dung, hình thức đơn kháng cáo.

Về nội dung kháng cáo: Qua lời khai và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Võ Thị T tội “Buôn bán hàng cấm” là đúng quy định pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý kinh doanh mặt hàng cấm là thuốc lá điều do nước ngoài sản xuất và trật tự quản lý trong kinh tế cụ thể là trật tự quản lý thị trường kinh doanh dẫn đến khó khăn trong kiểm soát hàng hóa, ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội, gây mất trật tự tại địa phương. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là đúng quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T nộp đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đã ly hôn và đang nuôi hai con nhỏ cùng mẹ già; Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng/20.000.000 đồng là tiền hình phạt bổ sung mà cấp sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo T không có tình

tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị T đã khai nhận:

Khoảng 09 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại cửa hàng tạp hóa TNhàn, thuộc Khu phố 1, phường Xuân Tr, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L bắt quả tang bị cáo đang cất giữ 2.990 bao thuốc lá nhập lậu để bán trong dịp tết nguyên đán năm Canh Tý.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Võ Thị T đã bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 4 Điều 190 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý kinh doanh mặt hàng cấm là thuốc lá điều do nước ngoài sản xuất và trật tự quản lý trong kinh tế cụ thể là trật tự quản lý thị trường kinh doanh dẫn đến khó khăn trong kiểm soát hàng hóa, ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội, gây mất trật tự tại địa phương. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, đúng quy định.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin được hưởng án treo và cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang phải nuôi hai con nhỏ (chồng đã ly hôn) và là người trực tiếp nuôi mẹ già (79 tuổi). Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo vì nhận thấy: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (đã ly hôn), hiện là lao động chính trong gia đình, đang trực tiếp nuôi mẹ già 79 tuổi và nuôi hai con nhỏ; số tiền thu lợi bất chính không lớn (2.000.000đ); trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng/20.000.000 đồng là tiền hình phạt bổ sung mà cấp sơ thẩm đã tuyên; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; có nhân thân chưa tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, áp dụng Điều 65 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) cho bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục là

cũng đủ nghiêm, phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về điều kiện hưởng án treo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của bị cáo Võ Thị T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị T, sửa bản án sơ thẩm số 99/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

[2] Áp dụng điểm b, khoản 1, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Xử phạt: bị cáo **Võ Thị T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 3 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Võ Thị T cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai quản lý, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) bị cáo T nộp theo biên lai số 008779 ngày 04/12/2020 và biên lai số 008780 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Long Khánh (2);
- VKSND TP. Long Khánh;
- Công an TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Hương